



**BẢN TIN THÔNG BÁO**  
**TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG**  
**TUẦN 4 THÁNG 4 NĂM 2020**

**HÀ NỘI, THÁNG 4/2020**

---

Chịu trách nhiệm nội dung: Trung tâm Cảnh báo và Dự báo tài nguyên nước  
Địa chỉ: Tầng 8 tòa nhà NAWAPI - Số 93/95 Vũ Xuân Thiều, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội;  
ĐT: 024 32665006; Fax: 024 37560034; Website: [cewafo.gov.vn](http://cewafo.gov.vn); Email: [vtttcddbttnn@monre.gov.vn](mailto:vtttcddbttnn@monre.gov.vn)

## I. Giới thiệu chung

Tình trạng hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn trong năm nay xảy ra trên diện rộng, trải dài từ Bắc Bộ, miền Trung, Tây Nguyên đến Đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Lượng mưa và dòng chảy ở thượng nguồn suy giảm, xâm nhập mặn đã xuất hiện từ tháng 12 năm 2019, sớm và sâu hơn so với trung bình nhiều năm, một số nơi tương đương hoặc sâu hơn cùng kỳ năm 2016 (năm xảy ra xâm nhập mặn lịch sử).

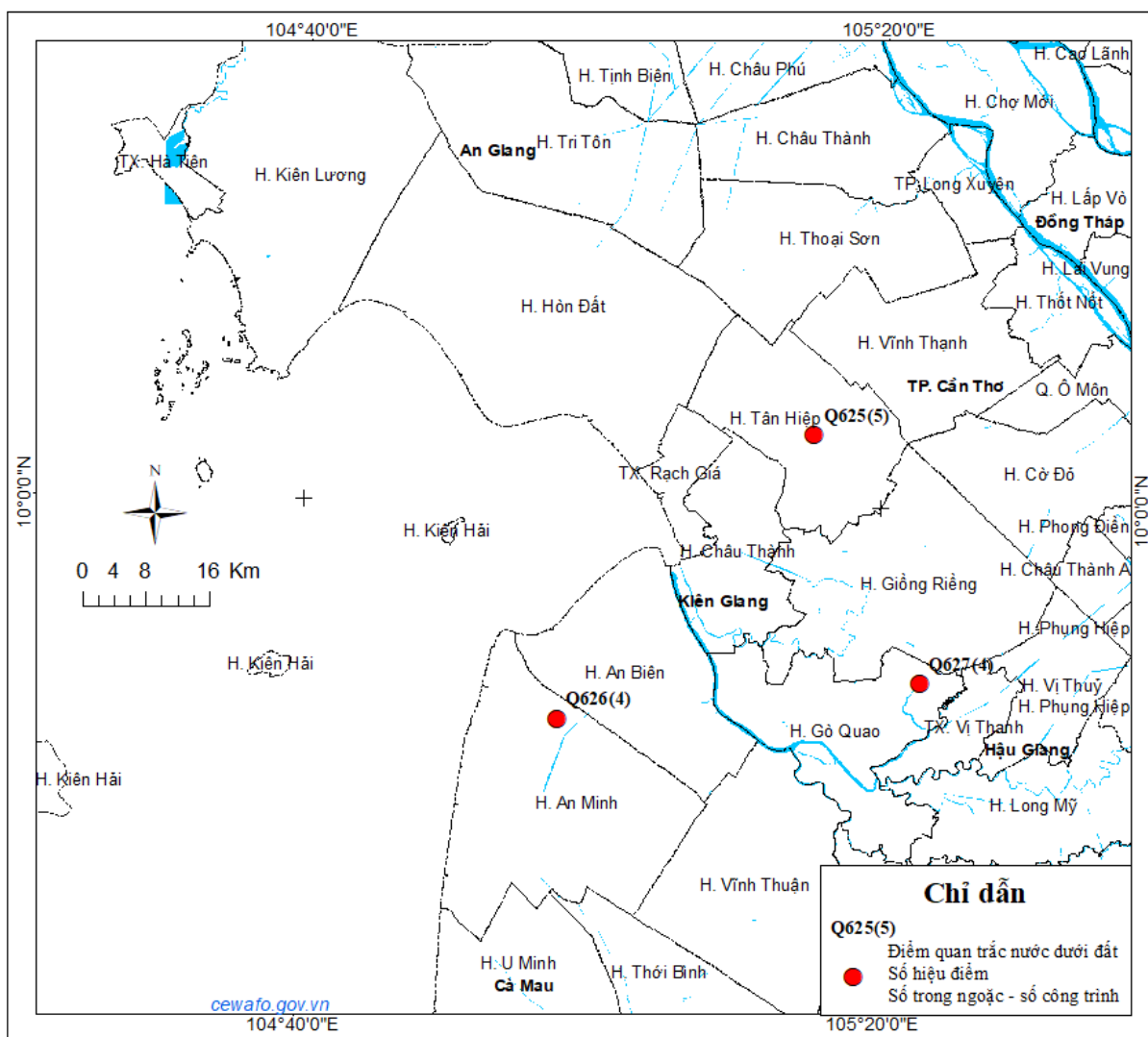
Theo dự báo, trong thời gian tới hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long còn kéo dài và diễn biến phức tạp, khó lường. Về lâu dài, do tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng và nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng, nhất là sự gia tăng khai thác, sử dụng nước ở thượng nguồn, nguy cơ hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn có thể xảy ra thường xuyên và khốc liệt hơn.

Trong trường hợp cực đoan, thời gian thiếu mưa kéo dài và việc tăng sử dụng nước trên các dòng nhánh và trữ nước tại các đập sẽ làm cho tình trạng hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn kéo dài hơn và trầm trọng hơn. Các tỉnh ở Đồng bằng Nam Bộ tiếp tục chủ động ứng phó với tình hình hạn hán và xâm nhập mặn diễn ra trong thời gian tới. Đặc biệt là các tỉnh Long An, Vĩnh Long, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Hậu Giang, Kiên Giang, Cà Mau (<http://nchmf.gov.vn/Kttvsite/vi-VN/1/ban-tin-cap-nhat-ve-hien-tuong-enso-va-nhan-dinh-xu-the-khi-tuong-thuy-van-tu-thang-4-den-thang-9-nam-2020-post3466.html>)

Để đảm bảo cho công tác ứng phó với tình hình hạn hán, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia biên soạn bản tin thông báo tài nguyên nước dưới đất hàng tuần tại các khu vực đang xảy ra hạn hán nhằm cung cấp thông tin kịp thời cho các điều tra, cấp nước chống hạn đối với các tỉnh, địa phương đang bị hạn hán thiếu nước. Bản tin thông báo tuần được biên tập trên cơ sở các công trình tự động truyền số liệu trong hệ thống mạng lưới quan trắc quốc gia tài nguyên nước dưới đất, số liệu truyền hàng ngày. Các công trình này được bố trí trong các tầng chứa nước chính theo thứ tự từ trẻ đến già gồm: tầng chứa nước Pleistocene thượng ( $qp_3$ ), tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng ( $qp_{2-3}$ ), tầng chứa nước Pleistocene hạ ( $qp_1$ ), tầng chứa nước Pliocene trung ( $n_2^2$ ), tầng chứa nước Pliocene hạ ( $n_2^1$ ). Chi tiết diễn biến mực nước tuần 4 (từ ngày 20 đến ngày 26) tháng 4 năm 2020 tại tỉnh Kiên Giang như sau:

## II. Diễn biến mực nước, chất lượng nước tại tỉnh Kiên Giang

Tỉnh Kiên Giang có 5 điểm với 24 công trình quan trắc ở 6 tầng chứa nước. Trong đó có 3 điểm với 13 công trình lắp thiết bị truyền tự động số liệu (hình 1). Chi tiết diễn biến mực nước, chất lượng nước tại các tầng chứa nước chính như sau:



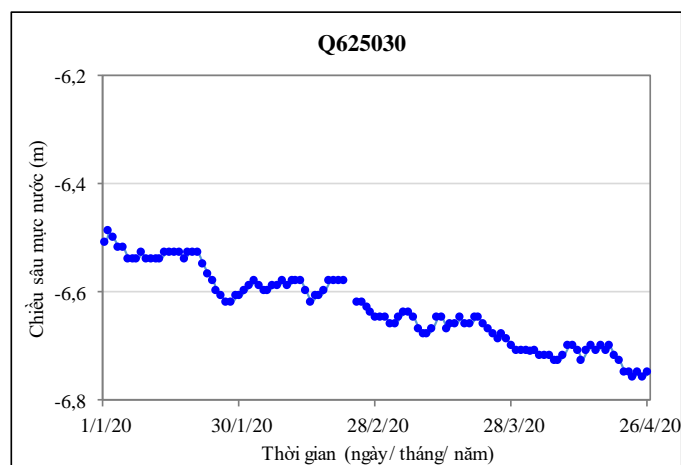
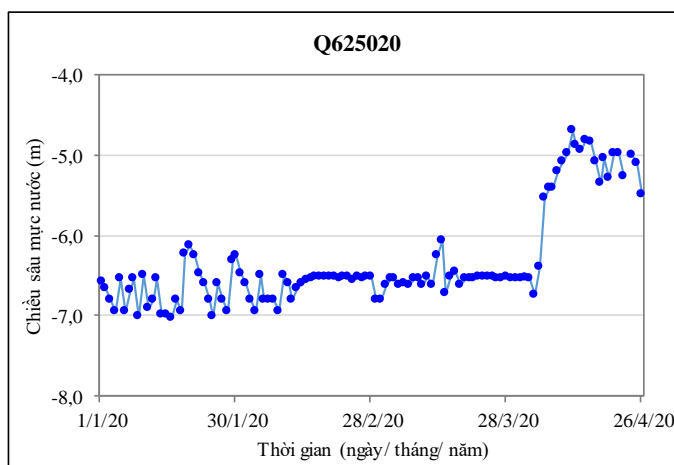
Hình 1. Sơ đồ vị trí điểm quan trắc tự động tỉnh Kiên Giang

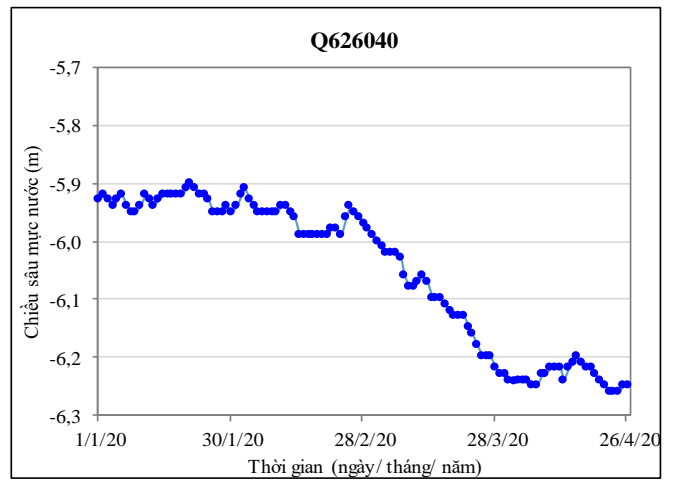
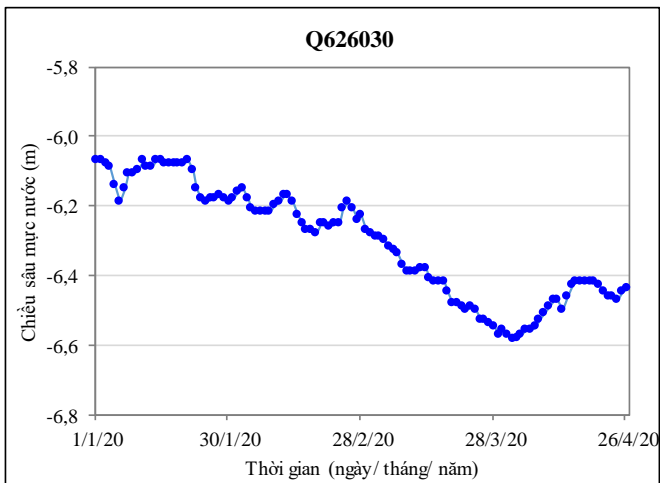
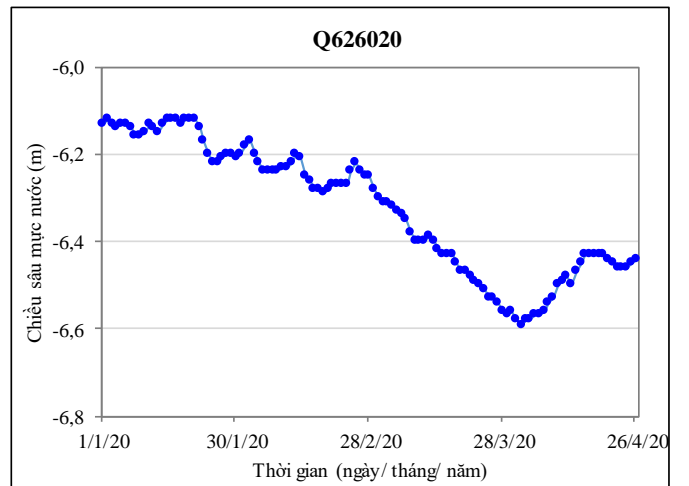
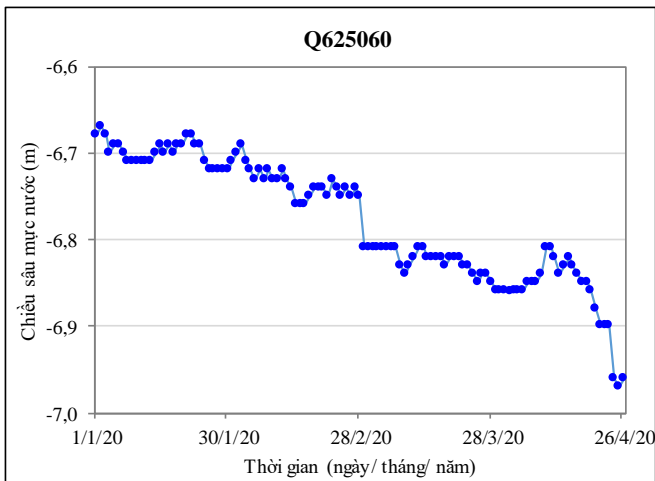
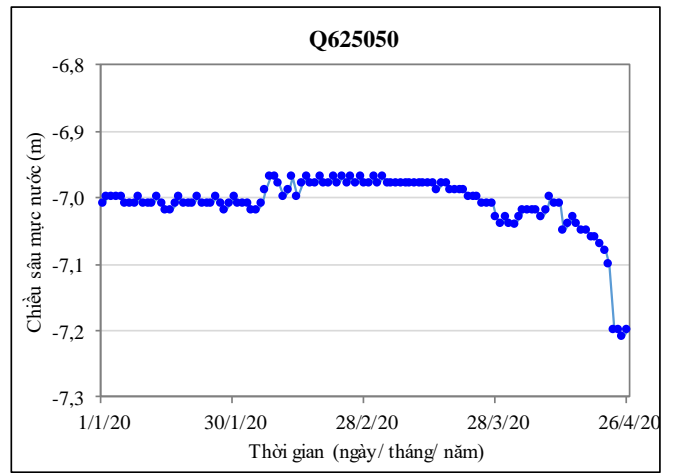
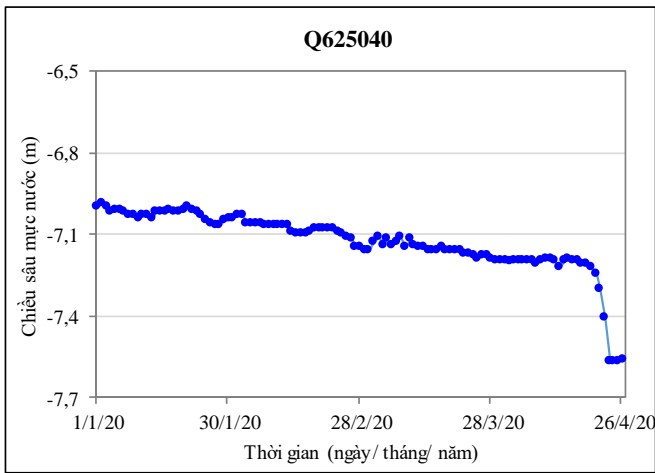
## 1. Mực nước

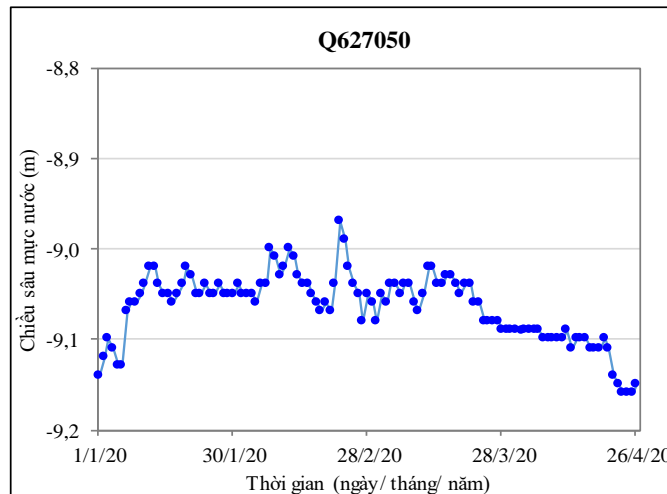
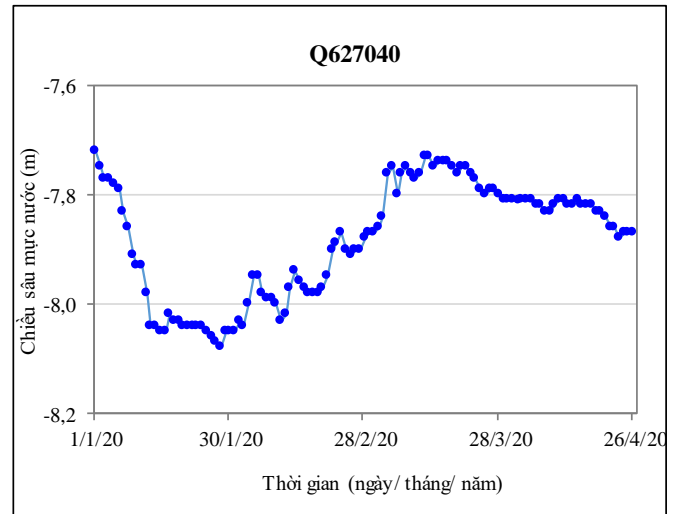
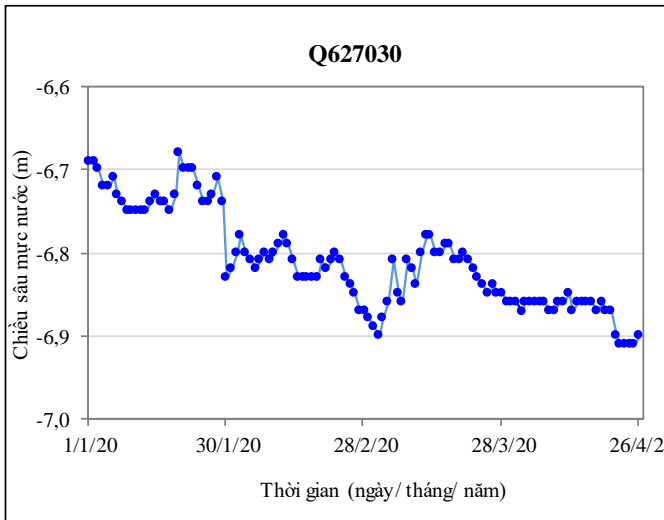
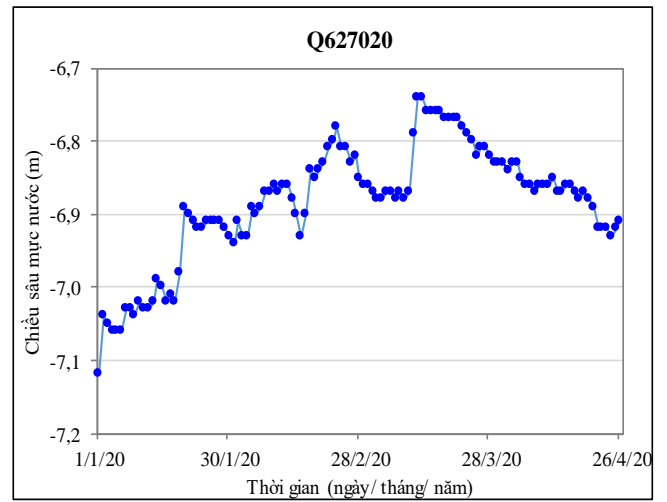
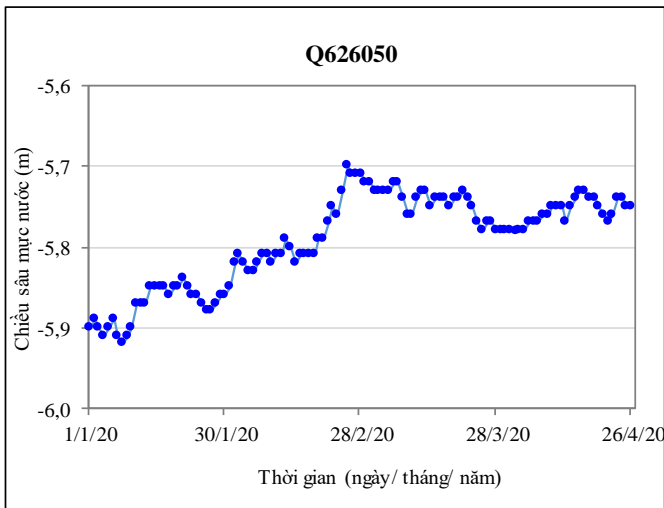
Tại xã Thanh Đông, huyện Tân Hiệp; xã Đông Hòa, huyện An Minh và xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao mực nước có xu thế hạ thấp. Giá trị hạ thấp so với tháng 1 năm 2020 từ 0,09m đến 0,44m; so với cùng kỳ tháng 3 năm 2020 từ 0,07m đến 0,29m. Mực nước hạ thấp lớn nhất xảy ra tại điểm Q626 tại xã Đông Hòa, huyện An Minh. Chi tiết diễn biến mực nước trung bình tuần 4 tháng 4 năm 2020 tại các công trình quan trắc nước dưới đất trong tỉnh được thể hiện trong bảng 1 và hình 2.

Bảng 1. Diễn biến mực nước trung bình tuần 4 tháng 4 (m)

STT	Điểm quan trắc	Tên công trình quan trắc	Tầng chứa nước	Mực nước trung bình tuần 4 tháng 4 năm 2020	Vị trí		Mực nước (m) so với (dấu (-) là thấp hơn)	
					Xã	Huyện	Trung bình tháng 1 năm 2020	Trung bình tuần 4 tháng 3 năm 2020
1	Q625	Q625020	qp <sub>3</sub>	-5,14	Thanh Đông	Tân Hiệp	1,55	1,39
2		Q625030	qp <sub>2-3</sub>	-6,75			-0,20	-0,08
3		Q625040	qp <sub>1</sub>	-7,46			-0,44	-0,29
4		Q625050	n <sub>2</sub> <sup>2</sup>	-7,15			-0,14	-0,15
5		Q625060	n <sub>2</sub> <sup>1</sup>	-6,92			-0,22	-0,09
6	Q626	Q626020	qp <sub>3</sub>	-6,45	Đông Hoà	An Minh	-0,30	0,05
7		Q626030	qp <sub>2-3</sub>	-6,45			-0,33	0,05
8		Q626040	qp <sub>1</sub>	-6,25			-0,32	-0,09
9		Q626050	n <sub>2</sub> <sup>2</sup>	-5,75			0,12	0,00
10	Q627	Q627020	qp <sub>3</sub>	-6,92	Vĩnh Hòa Hưng Bắc	Gò Quao	0,07	-0,12
11		Q627030	qp <sub>2-3</sub>	-6,90			-0,17	-0,07
12		Q627040	qp <sub>1</sub>	-7,86			0,10	-0,09
13		Q627050	n <sub>2</sub> <sup>2</sup>	-9,15			-0,09	-0,08







Hình 2. Đồ thị diễn biến mực nước dưới đất các công trình tỉnh Kiên Giang

## 2. Độ mặn

Trong tỉnh, có 3 điểm với 13 công trình đo tự động giá trị độ dẫn điện, để có thể tính toán được độ mặn nhạt của nước. Theo kết quả quan trắc được cho thấy nước đa phần là nước lợ cho đến mặn, có hai công trình nước nhạt ở xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc - huyện Gò Quao. Kết quả được trình bày trong bảng 2.

Bảng 2. Bảng độ mặn đo tại thực địa tuần 4 tháng 4 (mg/l)

STT	Điểm quan trắc	Tên công trình quan trắc	Tầng chứa nước	Vị trí		Độ sâu tầng chứa nước (từ m - đến m)	Tổng độ mặn trung bình tuần 4 tháng 4 năm 2020	Chất lượng nước
				Xã	Huyện			
1	Q625	Q625020	qp <sub>3</sub>	Thanh Đông	Tân Hiệp	33-44	4.411	Mặn
2		Q625030	qp <sub>2-3</sub>			69-94	1.996	Lợ
3		Q625040	qp <sub>1</sub>			177-187	10.403	Mặn
4		Q625050	n <sub>2</sub> <sup>2</sup>			218-230	3.625	Mặn
5		Q625060	n <sub>2</sub> <sup>1</sup>			235-250	3.373	Mặn
6	Q626	Q626020	qp <sub>3</sub>	Đông Hoà	An Minh	35-93	2.497	Lợ
7		Q626030	qp <sub>2-3</sub>			84-97	1.841	Lợ
8		Q626040	qp <sub>1</sub>			142-153	2.703	Lợ
9		Q626050	n <sub>2</sub> <sup>2</sup>			178-190	1.842	Lợ
10	Q627	Q627020	qp <sub>3</sub>	Vĩnh Hòa Hưng Bắc	Gò Quao	60-66	3.409	Mặn
11		Q627030	qp <sub>2-3</sub>			105-135	1.320	Nhạt
12		Q627040	qp <sub>1</sub>			207-225	3.866	Mặn
13		Q627050	n <sub>2</sub> <sup>2</sup>			251-263	957	Nhạt